TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 27-8-2020
V/v Ly hôn, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc: "Ly hôn, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh M, sinh năm 1948; Có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXHVN); địa chỉ: Y, phố K, phường L, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Trần Đình T - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện V, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 208/NHCS ngày 10 tháng 8 năm 2020. Có mặt.

2. Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1989; Có mặt.

3. Chị Trần Thị Kim A, sinh năm 1997; Có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định.

4. Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1996; Có mặt.

Cư trú tại: Thôn X, xã Y, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Trần Minh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông M quen biết từ năm 1995. Ông bà sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 mà không đăng ký kết hôn do ông M đã có vợ ngoài Bắc. Ông bà sống chung đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do ông M có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà đã khuyên giải nhưng ông M không thay đổi mà còn ngược đãi, bạo lực với bà. Hơn nữa, gần đây ông M đưa vợ ngoài Bắc vào ở nên bà không chấp nhận. Bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông M là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung là Trần Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Trần Thị Kim A, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số B864979 ngày 23/11/1999 do Ông Trần Minh M đứng tên chủ hộ. Đất này cấp cho 05 nhân khẩu gồm bà, ông M và chị Trần Thị Bích N, chị Trần Thị Kim A, chị Trần Thị Thanh T. Bà yêu cầu chia đất làm 05 phần, bà 01 phần.

Nhà và các công trình trên đất như mái hiên nhà chính, nhà bếp và mái hiên nhà bếp, mái hiên nhà sau, chuồng dê, 02 chuồng heo, chuồng nuôi trùng, chuồng bò, chuồng gà, giếng nước, tường rào, nhà tắm và công trình phụ, hệ thống điện 1 pha, 04ha keo mới trồng, 300 viên đá chẻ, 01 tivi hiệu Toshiba, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba và 01 xe máy nhãn hiệu future biển kiểm soát 77B1- 014.73 đứng tên Trần Minh M là tài sản chung của bà và ông M. Bà yêu cầu được nhận tài sản và thanh toán lại ông M ½ giá trị.

Về nợ chung: Bà và ông M vay của Phòng giao dịch NHCSXH huyện V, tỉnh Bình Định số tiền 60.000.000đ ngày 28/3/2017 và 60.000.000đ ngày 18/4/2017, tổng cộng 120.000.000đ để trồng keo lai, thời hạn 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng 18/4/2023, lãi suất 0,55%/tháng. Ông bà thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng 60.000m^2 đất đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 do Ông Trần Minh M đứng tên chủ hộ. Tiền lãi đã trả đến ngày 18/8/2020. Hiện ông bà còn nợ 120.000.000đ tiền gốc và tiền lãi từ ngày 19/8/2020. Bà yêu cầu mỗi người chịu ½ số nợ.

Các tài sản khác, bà không còn yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn Trần Minh M trình bày:

Ông thống nhất ông và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1996 mà không đăng ký kết hôn do ông đã có vợ ngoài Bắc. Ông bà mâu thuẫn không thể tiếp tục sống chung. Ông và bà T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Thống nhất ông và bà T có hai con chung là Trần Thị Thanh T, sinh năm 1996 và Trần Thị Kim A, sinh năm 1997. Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Thống nhất về tài sản chung, nợ chung như bà T trình bày và thống nhất chia đôi tài sản và nợ. Tuy nhiên, diện tích 60.000m^2 đất lâm nghiệp và ngôi nhà xây cấp 4, diện tích 40m^2 tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 do ông đứng tên chủ hộ là tài sản riêng của ông, không chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Đại diện NHCSXHVN là anh Trần Đình T - Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện V, tỉnh Bình Định trình bày: Thực hiện chương trình cho vay Dự án phát triển ngành lâm nghiệp và Hợp đồng tín dụng số 6600000709935351 ngày 24/3/2017, Phòng giao dịch NHCSXH huyện V cho Bà Huỳnh Thị T, Ông Trần Minh M vay số 60.000.000đ ngày 28/3/2017 và 60.000.000đ ngày 18/4/2017, tổng cộng 120.000.000đ để trồng keo lai, thời hạn 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng 18/4/2023, lãi suất 0,55%/tháng, vay có bảo đảm. Ông M, bà T thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 139 – 170, tờ bản đồ số 4, đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 do Ông Trần Minh M đứng tên chủ hộ. Hợp đồng thế chấp được chứng thực số 10/2017, quyển số 01/2017 – TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V và đăng ký thế chấp ngày 24/3/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh huyện V. Bà T, ông M đã trả lãi đến ngày 18/8/2020.

NHCSXHVN yêu cầu ai được quyền sở hữu sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản chung thì phải có trách nhiệm trả 120.000.000đ tiền gốc và tiền lãi từ ngày 19/8/2020.

2. Chị Trần Thị Thanh T và chị Trần Thị Kim A, chị Trần Thị Bích N đồng trình bày: Diện tích 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 do Ông Trần Minh M đứng tên chủ hộ là tài sản chung của 05 nhân khẩu gồm bà T, ông M, chị Trần Thị Bích N, chị Trần Thị Kim A, chị Trần Thị Thanh T. Chị T, chị A và chị N yêu cầu chia cho đất 05 phần và mỗi người được sử dụng một phần đất để canh tác, sản xuất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962 và Ông Trần Minh M, sinh năm 1948. Đồng địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định.

2. Về tài sản chung:

2.1. Giao cho bà T được quyền sở hữu, sử dụng các loại tài sản sau: 01 ngôi nhà chính cấp 4 có diện tích 43,24m2 nhà một tầng, tương xây gạch, không trát, nền xi măng, không trần, mái lợp ngói, xà gồ gỗ và hệ thống điện có giá trị 24.508.000đ; Mái hiên nhà chính có giá trị 668.000đ; Nhà bếp có giá trị 23.349.000đ; Hiên nhà bếp có giá trị 971.000đ; Mái hiên nhà sau có giá trị 6.682.000đ; Nhà tắm và công trình phụ (nhà vệ sinh) có giá trị 14.000.000đ; Giếng nước có giá trị 6.279.000đ; Hệ thống điện 1 pha có giá trị 15.000.000đ; Chuồng dê có giá trị 5.112.000đ; Hai chuồng heo có giá trị 27.732.000đ; Chuồng nuôi trùn có giá trị 23.515.000đ; Chuồng bò có giá trị: 6.789.000đ; Chuồng gà có giá trị 14.407.000đ; Diện tích 11.132,3m2 đất lâm nghiệp thuộc vị trí số 5 (bản đồ trích đo địa chính thửa đất) có giới cận như sau: Đông giáp đất vị trí số 4; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất vị trí số 3 có giá trị 278.307.500đ cùng với hàng rào trụ bê tông kẽm gai xung quanh diện tích đất được chia có giá trị 34.000.000đ. Tất cả các loại tài sản này đều xây dựng trên diện tích 11.132,3m2 đất lâm nghiệp thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 864979 cấp cho hộ Ông Trần Minh M ngày 23/11/1999, tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định). Tổng giá trị bà T được hưởng là 481.319.500đ (Bốn trăm tám mươi mốt triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm đồng);

2.2. Giao cho ông M được quyền sở hữu, sử dụng các loại tài sản: 300 viên đá chẻ trị giá 1.800.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu FUTRE biển kiểm soát 77B1- 014.73 giá trị 14.000.000đ (do ông M đang quản lý); 01 ti vi hiệu TO SI BA giá trị 3.000.000đ; 01 tủ lạnh hiệu TO SI BA giá trị 1.000.000đ; diện tích 11.801,5m2 đất lâm nghiệp thuộc vị trí số 3 có tứ cận như sau: Đông giáp suối bùn; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp vị trí đất số 4 và vị trí đất số 5; Bắc giáp đất vị trí số 2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 864979 cấp cho hộ Ông Trần Minh M ngày 23/11/1999, tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định có giá trị 295.037.500đ; Số cây keo mới trồng trị giá 6.300.000đ và hàng rào trụ bê tông kẽm gai xung quanh diện tích đất được chia có giá trị 34.000.000đ. Tổng giá trị ông M được chia là: 355.137.500đ (Ba trăm năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Nếu ông M có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

2.3 Giao cho chị Trần Thị Kim A được quyền quản lý, sử dụng diện tích 13.146,2m2 đất lâm nghiệp thuộc vị trí số 4 có tứ cận như sau: Đông giáp đường đất và đất ông Hồ Văn D; Tây giáp đất vị trí số 5; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đất vị trí số 3 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 864979 cấp cho hộ Ông Trần Minh M ngày 23/11/1994, tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định có

giá trị 328.655.000đ và quyền sở hữu số cây keo mới trồng trên đất được chia trị giá 6.300.00đ và hàng rào trụ bê tông kẽm gai xung quanh diện tích đất được chia có giá trị 34.000.000đ. Tổng giá trị tài sản chị A được chia là 368.955.000đ (Ba trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

2.4. Giao cho chị Trần Thị Thanh T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 12.013,2m2 đất lâm nghiệp thuộc vị trí số 1 có tứ cận như sau: Đông giáp đất vị trí số 2; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đất vị trí số 2; Bắc giáp đất ông Ngô B thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 864979 cấp cho hộ Ông Trần Minh M ngày 23/11/1999, tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định có giá trị 300.330.000đ và quyền sở hữu số cây keo mới trồng trên đất được chia trị giá 6.300.00đ và hàng rào trụ bê tông kẽm gai xung quanh diện tích đất được chia có giá trị 34.000.000đ. Tổng giá trị tài sản chị A được chia là 340.630.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng);

2.5. Giao cho chị Trần Thị Bích N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 11.906,8m2 đất lâm nghiệp thuộc vị trí số 2 có tứ cận như sau: Đông giáp suối bùn; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đất vị trí số 3; Bắc giáp đất vị trí số 1 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 864979 cấp cho hộ Ông Trần Minh M ngày 23/11/1999, tọa lạc tại Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định có giá trị 297.670.000đ và quyền sở hữu số cây keo mới trồng trên đất được chia trị giá 6.300.00đ và hàng rào trụ bê tông kẽm gai xung quanh diện tích đất được chia có giá trị 34.000.000đ. Tổng giá trị tài sản chị A được chia là 337.970.000đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Bà T, chị A, chị T, chị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với diện tích đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

2.6. Giá trị chênh lệch về tài sản được chia mà các đương sự trong vụ án phải hoàn lại cho nhau như sau:

Chị A có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền 10.686.500đ (Mười triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng) và hoàn lại cho ông M số tiền 58.268.500đ (Năm mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Chị T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông M số tiền 40.630.000đ (Bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Chị N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông M số tiền 37.970.000đ (Ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ trả nợ chung: Bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, tỉnh Bình Định) số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tương ứng khi đến hạn.

Ông M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, tỉnh Bình Định) số tiền gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi tương ứng khi đến hạn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hôn gia đình sơ thẩm, chi phí định giá và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, bị đơn Ông Trần Minh M kháng cáo yêu cầu xác định nhà và 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 cho hộ ông Trần Minh M là tài sản riêng của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

[1] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản:

[1.1] Về tài sản:

Diện tích 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 do Ông Trần Minh M đứng tên chủ hộ là tài sản chung của Ông Trần Minh M, Bà Huỳnh Thị T, chị Trần Thị Bích N, chị Trần Thị Kim A, chị Trần Thị Thanh T. Giá trị tài sản 1.500.000.000đ/5 = 300.000.000đ/phần.

Nhà và các tài sản trên diện tích 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định gồm: Mái hiên nhà chính, nhà bếp và mái hiên nhà bếp, mái hiên nhà sau, chuồng dê, 02 chuồng heo, chuồng nuôi trùng, chuồng bò, chuồng gà, giếng nước, tường rào, nhà tắm và công trình phụ, hệ thống điện 1 pha, 04ha keo mới trồng, 300 viên đá chẻ, 01 tivi hiệu Toshiba, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba và 01 xe máy nhãn hiệu future biển kiểm soát 77B1- 014.73 đứng tên Trần Minh M là tài sản chung của Ông Trần Minh M, Bà Huỳnh Thị T. Tổng giá trị tài sản 384.012.000đ/2 = 192.006.000đ/phần.

[1.2] Về nghĩa vụ tài sản: Ông Trần Minh M, Bà Huỳnh Thị T còn nợ NHCSXHVN 120.000.000đ tiền gốc và 155.808đ tiền lãi trong hạn tính đến ngày 25/8/2020. Đây là nợ chung Ông Trần Minh M, Bà Huỳnh Thị T.

[2] Chia tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản:

[2.1] Ông Trần Minh M được sử dụng 24.278,5m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu toàn bộ tài sản gồm: Nhà, mái hiên nhà chính, nhà bếp và mái hiên nhà bếp, mái hiên nhà sau, chuồng dê, 02 chuồng heo, chuồng nuôi trùng, chuồng bò, chuồng gà, giếng nước, nhà tắm và công trình phụ, hệ thống điện 1 pha, 300 viên đá chẻ, 01 tivi hiệu Toshiba, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, 01 xe máy nhãn hiệu future biển kiểm soát 77B1- 014.73 đứng tên Trần Minh M, keo và hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 4, 5 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V.

[2.2] Bà Huỳnh Thị T được sử dụng 11.801,5m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu keo, hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 3 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V.

[2.3] Chị Trần Thị Kim A được sử dụng 11.906,8m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu keo, hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 2 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V.

[2.4] Chị Trần Thị Bích N được sử dụng 12.013,2m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu keo, hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 1 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V.

[2.5] Ông Trần Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho NHCSXHVN số tiền 120.155.808đ trong đó: 120.000.000đ tiền gốc, 155.808đ tiền lãi tính đến ngày 25/8/2020.

[2.6] Ông Trần Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị T số tiền 18.068.500đ.

[2.7] Buộc Ông Trần Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị Thanh T số tiền 300.000.000đ.

[2.8] Buộc chị Trần Thị Bích N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị T số tiền 40.630.000đ.

[2.9] Buộc chị Trần Thị Kim A có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị T số tiền 37.970.000đ.

[3] Quyền lưu cư: Bà Huỳnh Thị T, chị Trần Thị Kim A được lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 28.8.2020.

[4]. Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

[4.2] Ông Trần Minh M, Bà Huỳnh Thị T, chị Trần Thị Kim A, chị Trần Thị Bích N được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

[5] Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về hôn nhân, chi phí định giá không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm những vấn đề sau:

Đối với tranh chấp do chi nhánh xác lập thực hiện cần ghi đúng hướng dẫn tại mục 4 của công văn số 38/KHXX ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Tòa án nhân dân tối cao.

Ông Trí, bà Mạnh thế chấp cho Phòng giao dịch NHCS huyện V 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 để đảm bảo cho khoản vay 120.000.000đ. Hợp đồng thế chấp được chứng thực số 10/2017, quyển số 01/2017 – TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V và đăng ký thế chấp ngày 24/3/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – Chi nhánh huyện V (BL 68-73). Cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng vay không có bảo đảm nên không giải quyết quyền nhận lại tài sản bảo đảm quy định tại Điều 302, nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm để xử lý và trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299, 301 Bộ luật dân sự là không đúng tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự. Hơn nữa, cấp sơ thẩm không xác định số tiền lãi ông M, bà T đã trả, số tiền lãi còn phải thực hiện đối với ngân hàng nên tuyên ông M, bà T trả lãi tương ứng khi đến hạn là không rõ ràng, ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự và khó khăn việc thi hành án.

Hộ Ông Trần Minh M được cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo ngày 01 tháng 01 năm 2019 gồm các thành viên: Ông M, bà T, chị A, chị N (BL 56). Nhưng cấp sơ thẩm buộc ông M, bà T, chị A, chị N chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự.

Cấp sơ thẩm tuyên bà T, chị A, chị T, chị N có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với diện tích đất được giao sử dụng theo quy định là không cần thiết. Bởi lẽ, bà T, chị A, chị T, chị N được xác

lập quyền sở hữu theo bản án của Tòa án quy định tại khoản 2 Điều 221 Bộ luật Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Chia tài sản và thực hiện nghĩa vụ về tài sản:

1.1. Ông Trần Minh M được sử dụng 24.278,5m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu toàn bộ tài sản gồm: Nhà, mái hiên nhà chính, nhà bếp và mái hiên nhà bếp, mái hiên nhà sau, chuồng dê, 02 chuồng heo, chuồng nuôi trùng, chuồng bò, chuồng gà, giếng nước, nhà tắm và công trình phụ, hệ thống điện 1 pha, 300 viên đá chẻ, 01 tivi hiệu Toshiba, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba, 01 xe máy nhãn hiệu future biển kiểm soát 77B1- 014.73 đứng tên Trần Minh M, keo và hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 4, 5 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V. (có bản đồ trích đo kèm theo).

1.2. Bà Huỳnh Thị T được sử dụng 11.801,5m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu keo, hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 3 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V. (có bản đồ trích đo kèm theo).

1.3. Chị Trần Thị Kim A được sử dụng 11.906,8m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu keo, hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 2 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V. (có bản đồ trích đo kèm theo).

1.4. Chị Trần Thị Bích N được sử dụng 12.013,2m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định và sở hữu keo, hàng rào trụ bê tông kẽm gai trên phần đất vị trí 1 theo bản đồ trích đo địa chính thửa đất ngày 20/01/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định – chi nhánh huyện V. (có bản đồ trích đo kèm theo).

1.5. Buộc Ông Trần Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho NHCSXHVN số tiền 120.155.808đ (Một trăm hai mươi triệu một trăm mười lăm ngàn tám trăm linh tám đồng), trong đó: 120.000.000đ tiền gốc, 155.808đ tiền lãi tính đến ngày 25/8/2020.

Ông Trần Minh M còn phải chịu tiền lãi trên nợ gốc còn phải trả kể từ ngày 26.8.2020 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 6600000709935351 ngày 24/3/2017 và giấy nhận nợ ngày 28/3/2017, ngày 18/4/2017.

Trường hợp Ông Trần Minh M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng 60.000m^2 đất lâm nghiệp tọa lạc tại thôn K, xã L, huyện V, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 để trả nợ cho NHCSXHVN theo quy định pháp luật.

NHCSXHVN có nghĩa vụ trả cho Ông Trần Minh M GCNQSDĐ số B864979 ngày 23/11/1999 khi ông M trả hết nợ.

1.6. Buộc Ông Trần Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị T số tiền 18.068.500đ (Mười tám triệu không trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng).

1.7. Buộc Ông Trần Minh M có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Thị Thanh T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

1.8. Buộc chị Trần Thị Bích N có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị T số tiền 40.630.000đ (Bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng).

1.9. Buộc chị Trần Thị Kim A có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Huỳnh Thị T số tiền 37.970.000đ (Ba mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

2. Quyền lưu cư: Bà Huỳnh Thị T, chị Trần Thị Kim A được lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày 28.8.2020.

3. Về án phí:

3.1. Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Trần Minh M, Bà Huỳnh Thị T, chị Trần Thị Kim A, chị Trần Thị Bích N được miễn nộp tiền án phí.

4. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về hôn nhân, chi phí định giá không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện V;
- CCTHA dân sự huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HNGĐ & NCTN.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thu